

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 454/2020/DS-PT
Ngày: 22 - 9 - 2020
V/v “Tranh chấp đòi di sản thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Tô Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Úc Minh Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Đức Trí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2018/DSPT ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS –ST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 509/2020/QĐPT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Sĩ T, sinh năm 1952 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường Đ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Sĩ T:

Luật sư Trần Đức D – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

-*Bị đơn:*

1/. Ông Ngô Văn M, sinh năm 1981 (vắng mặt).

2/. Bà Thạch Thị Ch, sinh năm 1937 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị Ch: Ông Ngô Văn M, sinh năm 1981 (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2015).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1. Ông Thạch V, sinh năm 1950 (chết ngày 05/10/2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thạch V

- Bà Kim Thị S, sinh năm 1950 (vắng mặt).

- Chị Thạch Thị Sa M, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Tr, xã H3, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh.

1.2. Chị Kim Thị Ngọc Ph, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của chị Kim Thị Ngọc Ph:

Ông Ngô Văn M, sinh năm 1981 (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2015).

1.3. Bà Trương Thị M1, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Địa chỉ: R S H- S-S P es-Champs France.

1.4. Ông Trương Sĩ T1, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: A v E 93.800 France.

Người đại diện hợp pháp của bà Trương Thị M1, ông Trương Sĩ T1: Ông Trương Sĩ T, sinh năm 1952 (Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2014) (Xin vắng mặt).

1.5. Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Trà Vinh: vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: khóm 2, thị trấn Ch, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đã nộp ngày 26-02-2010 và đơn khởi kiện bổ sung nộp ngày 30-11-2016 và lời khai của người đại diện ông Trương Sĩ T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 1.200m² (thực đo 1.418,9m²), số thửa 519, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp H xã L, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh là của ông Trương Th (ông nội của ông Trương Sĩ T) mua của ông Dương X tọa lạc tại Làng H (nay là ấp H, xã L, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh). Sau đó ông Th có cho ông Trương Văn Th1 (Cha ông T) sử dụng. Đến năm 1936, ông Th1 có xây cất 01 căn nhà diện tích khoảng 500m² (ngang 20 dài 25m), phần nhà nằm trên diện tích đất 1.200m². Sau khi giải phóng ủy ban nhân dân huyện Ch có mượn phần nhà trên để làm kho dự trữ lúa gạo, tiếp đó là UBND xã L1 mượn cho Đoàn hát A mượn ở và trả lại cho ông Th1 xong, sau khi nhận lại nhà ông Th1 có cho lại ông T phần đất và nhà nêu trên.

Đến năm 1982 ông T có cho ông Thạch Th2 ở nhờ trên phần nhà và đất, ông Thạch Th2 phải có nghĩa vụ trông giữ và bảo quản phần nhà và đất, năm 1986 ông Thạch Th2 chết, bà Thạch Thị Ch là con của ông Th2, cùng con cháu của bà Ch tiếp tục quản lý sử dụng phần nhà và đất ở nhờ. Năm 2006 ông T phát hiện bà Ch đứng ra kê khai phần đất vào năm 1992 và cho cháu bà là Ngô Văn M toàn quyền sử dụng phần nhà, đất trên.

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ch và ông M, buộc bà Thạch Thị Ch và ông Ngô Văn M cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Kim Thị S, Kim Thị Ngọc Ph và Thạch Thị Sa M trả lại phần đất diện tích 1.200m² (thực đo 1.418,9m²), số thửa 519, tờ bản đồ số 09 và 01 căn nhà diện tích 500m² nằm trên phần đất.

Kèm theo đơn khởi kiện ông T cung cấp các tài liệu chứng cứ: Tờ trình quan hệ nhân thân của ông T; Tờ cam kết của ông T; Sơ đồ kết cấu xây dựng căn nhà; Giấy xác nhận của UBND xã L1 về việc ông T cho ông Th2 ở trên đất, do ông T cung cấp; Giấy tờ mua bán đất của ông Th và ông Xiếu; Giấy chứng tử của ông Th, ông Th1; Trích sao sổ mục kê, trích lục bản đồ địa chính.

Theo lời khai của anh Ngô Văn M đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho bà Thạch Thị Ch là bị đơn trình bày:

Nguồn gốc đất 1.200m² (thực đo 1.418,9m²), số thửa 519, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp H xã L, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh và căn nhà trên thửa đất mà ông T đang tranh chấp là của bà Th3 (không biết họ chỉ biết tên) để lại cho bà Kiên Thị Th4 (là con nuôi của bà Th3), bà Th4 có chồng là ông Thạch Th2, sau khi bà Th4 và ông Thạch Th2 chết thì để lại nhà và đất cho bà nội của anh là bà Thạch Thị Ch, trong quá trình sử dụng bà Ch có đi kê khai đăng ký vào năm 1991 và được UBND huyện Ch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, trong thời điểm đó ông M, bà Ph, ông V sống chung cùng với bà Ch, gia đình bà Ch đã sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Đến năm 2006 bà Ch làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với ông M. Nay ông M không đồng ý trả lại nhà và đất theo yêu cầu của ông Trương Sĩ T.

Tài liệu chứng cứ ông M, bà Ch nộp cung cấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 513771 cấp cho bà Thạch Thị Ch và ông Thạch V, chỉnh trang tư cho ông Ngô Văn M ngày 19-9-2006.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên nguyên đơn: Trương Thị M1, Trương Sĩ T1 ủy quyền cho ông Trương Sĩ T thống nhất theo lời trình bày của ông T (ông T xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên bị đơn: Chị Kim Thị Ngọc Ph ủy quyền cho anh Ngô Văn M thống nhất lời trình bày của ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên bị đơn: ông Thạch V (chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng cho ông V là bà Kim Thị S và chị Thạch Thị Sa M xin vắng mặt, nội dung đơn bà S, chị M không có yêu cầu gì về phần đất tranh chấp trên.

Theo văn bằng số 1664/UBND-NC ngày 21/9/2015 của ủy ban nhân dân huyện Ch: Việc Ủy ban nhân dân huyện Ch có mượn nhà của ông Trương Văn Th1 (cha ông Trương Sĩ T) không thì Ủy ban nhân dân huyện không còn lưu giữ hồ sơ.

Tài liệu đo đạc năm 1983 thì thửa đất tranh chấp thuộc một phần thửa 347 diện tích 1.350 m² do Kim Phane đăng ký, kê khai trên sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất do Kim Thunl kê khai đăng ký; một phần thuộc thửa 348 diện tích 1.550 m² do Thạch Thôi kê khai.

Theo tài liệu đo đạc năm 1992: thửa 519 diện tích 1.200m² do bà Thạch Thị Ch

kê khai, đăng ký. Tư liệu đo đạc năm 2006 do bà Thạch Thị Ch đăng ký kê khai. Việc thay đổi tên người đăng ký và diện tích tăng giảm qua từng thời kỳ do tài liệu ghi nhận trong quá trình đo đạc hiện trạng sử dụng.

Việc Ủy ban nhân dân huyện Ch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 519 tờ bản đồ số 9 là đúng quy định của pháp luật. Ông Trương Sĩ T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Thạch Thị Ch ngày 10/5/2006 là không có cơ sở.

Vụ án phát sinh địa phương và Tòa án hòa giải không thành nên đưa ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS – ST ngày 13/11/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 26, 37, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 100, 101, 202 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ mục A, 2 A phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 do Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Sĩ T về việc yêu cầu đòi lại di sản thừa kế;

Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Sĩ T.

Ông Ngô Văn M và bà Thạch Thị Ch được tiếp tục sử dụng hai căn nhà tường gắn liền trên đất diện tích 300m² đất ở, nằm trong tổng diện tích thực đo là 1.418,9m² tại thửa đất số 519, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp H xã L, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 513771 do ủy ban nhân dân huyện Ch cấp vào ngày 10/5/2006). Anh Ngô Văn M, chị Kim Thị Ngọc Ph và bà Thạch Thị Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Sĩ T đại diện nhận bằng 77.812.732 đồng (Bảy mươi bảy triệu tám trăm mười hai ngàn bảy trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về chi phí định giá: Anh Ngô Văn M và bà Thạch Thị Ch phải chịu chi phí định giá với số tiền là 1.537.744 đồng. Ông Trương Sĩ T phải chịu chi phí định giá là 1.537.744 đồng, số tiền của ông T được khấu trừ vào số tiền mà ông đã nộp vào ngày 09/8/2016 là 4.000.000 đồng, nên ông T được nhận lại số tiền 2.462.256 đồng (Cục Thi hành án tỉnh Trà Vinh thu từ bà Ch và ông M 1.537.744 đồng để giao lại cho ông T, số tiền còn lại là 924.512 đồng T được nhận lại tại Tòa án).

Về án phí: Anh Ngô Văn M và bà Thạch Thị Ch phải chịu án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm với số tiền 3.890.636 đồng. Ông Trương Sĩ T phải chịu án phí với số tiền 16.783.350 đồng, số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 2.500.000 đồng theo

biên lai số 001915, ngày 04/3/2010 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Trà Vinh và 300.000 đồng theo biên lai số 0009508, ngày 23/02/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh được chuyển thành án phí, ông T còn phải nộp thêm 13.983.350 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/11/2017 ông Trương Sĩ T kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của ông T: căn nhà nguyên đơn khởi kiện gắn liền với diện tích đất 1.418,9m² có nguồn gốc là của bà Kiên Thị Th3 để lại cho ông Trương Sĩ T, ông T cho ông Thạch Th2 ở nhờ sau khi ông Th2 chết thì bà Ch, ông M tiếp tục ở. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T có kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự khác đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong hạn luật định ông Trương Sĩ T có đơn kháng cáo nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ông Trương Sĩ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt với lý do sức khỏe không đảm bảo, các đương sự khác vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện, đương sự trong vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm xác định có căn cứ pháp luật.

[3]. Về nội dung: Ông Trương Sĩ T khởi kiện bà Thạch Thị Ch và anh Ngô Văn

M trả lại căn nhà khoảng 500 m² nằm trên diện tích đất 1.200m². Qua xem xét thẩm định tại chỗ căn nhà có diện tích 179,13m², dạng nhà biệt thự móng (nhà lớn và nhà nhỏ) có diện tích 139,36m² + 39,77m² = 179,13m², nằm trên thửa số 519, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.200m² (thực đo 1.418,9m²) tọa lạc tại ấp H xã L, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh.

Nguồn gốc của căn nhà, bên đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn đều cho rằng của bà Kiên Thị Th3 để lại. Theo văn bản số 39/UBND-TP ngày 01/8/2016 của ủy ban nhân dân xã L1 trả lời văn bản số 14/CV-TA ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (BL 195) cũng xác định nguồn gốc nhà và đất là của bà Kiên Thị Th3, do bà Kiên Thị Th3 là địa chủ nên bỏ nhà đi không có mặt tại địa phương, từ năm 1975-1982 Ủy ban nhân dân xã và một số phòng ban có mượn sử dụng. Ông Trương Sĩ T là cháu nội của bà Kiên Thị Th3 có làm đơn xin lại nhà nên ủy ban nhân dân xã L1 trả cho ông Trương Sĩ T tại văn bản ngày 18/3/1982 của UBND huyện Ch gửi UBND xã L1 (BL 40)

Sau khi nhận lại nhà ông T có nhờ ông Thạch Th2 ở trên căn nhà để quản lý, trong coi dùm, (có xác nhận của UBND xã L1 vào ngày 22/4/1982) (BL 33). Từ khi giao căn nhà cho ông Th2 quản lý ông T không còn ở trên căn nhà này, khi ông Th2 qua đời, bà Thạch Thị Ch (con ông Th2) cùng ông Thạch V và ông M cùng sử dụng, con của bà Ch là Ngô Văn H cũng biết được vụ việc này (BL 103, 104). Bà Thạch Thị Ch cũng thừa nhận căn nhà của bà Th3 (Bà nội của ông T).

Ông Trương Sĩ T khởi kiện đòi trả lại căn nhà diện tích khoản 500m² và gắn liền với thửa đất 519 diện tích 1.200m². Qua thẩm định thực tế căn nhà tranh chấp gồm 2 phần nhà lớn và nhà nhỏ có diện tích chung là 179,13m² nằm trên thửa đất 519 có diện tích thực đo bằng 1.418,9 m².

Theo tư liệu đăng ký kê khai vào năm 1983 do Kim Th đăng ký thửa số 347 diện tích 1.350m², tư liệu năm 1991 do bà Thạch Thị Ch kê khai thửa 519 diện tích 1.200m². Ông Trương Sĩ T có đưa ra các chứng cứ tờ mua đất của ông Trương Th nhận sang nhượng đất của ông Dương X vào năm 1907 (BL34, 35).

Tòa sơ thẩm qua tra cứu tư liệu tại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh và tại Cục công nghệ thông tin và dữ liệu Tài nguyên Môi trường chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh không xác định được phần đất tranh chấp có đúng trong phần đất của ông Trương Th mua hay không? Qua diễn biến quá trình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất các năm và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và chứng cứ bên ông Trương Sĩ T cung cấp, thì phần đất thửa số 519 diện tích 1.418,9m² không có chứng cứ nào chứng minh là đất của ông Trương Th (ông nội của ông T), hay là đất của ông Trương Văn Th1 (cha của ông T) để lại từ đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Sĩ T kiện đòi lại diện tích đất thuộc thửa số 519 diện tích 1.418,9m².

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lập luận trên là chưa có căn cứ, mâu thuẫn với việc kết luận 300 m² đất thổ cư thuộc thửa 519 là của bà Kiên Thị Th3, từ đó buộc ông M phải trả ½ giá trị đất cùng giá trị nhà cho ông T của bản án sơ thẩm.

Trong vụ án này có cơ sở kết luận nhà đất là của bà Kiên Thị Th3, ông T đã được Ủy ban nhân dân huyện Ch tỉnh Trà Vinh trả lại, phần đất ông Trương Th mua

từ ông Dương X, diện tích 0,1 ha, có các hộ giáp ranh (B L34, 35) nên cần xác minh thêm các hộ kế cận để xác định diện tích dôi dư của ai.

Pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp là pháp luật về ở nhờ nhà ở. Người ở nhờ thì không thể căn cứ vào việc có hộ khẩu, sinh sống ổn định, có nhu cầu về nhà ở để giao quyền sở hữu như trường hợp chia tài sản thuộc sở hữu chung hay chia thừa kế.

Những trường hợp đặc biệt người ở nhờ không phải trả lại toàn bộ nhà là những trường hợp được pháp luật quy định cụ thể. Trường hợp này ở nhờ nhà trước ngày 01/7/1991, theo quy định tại Nghị quyết số 58 của Quốc Hội thì trong trường hợp người ở nhờ đã làm thêm diện tích nhà ở riêng biệt với nhà cho mượn mà không bị chủ nhà phản đối thì được công nhận sở hữu đối với phần làm thêm và thanh toán cho chủ nhà giá trị quyền sử dụng đất (điểm c Điều 11).

Trường hợp, chỉ có căn cứ xác định căn nhà và thửa đất thổ cư 300 m² của ông T thì cần đo đạc xác định vị trí, kích thước thửa đất để buộc bị đơn trả lại nhà và đất, còn ông T phải trả lại giá trị công trình, vật kiến trúc và cây trồng có trên đất do bị đơn tạo lập cũng như công sức giữ gìn, tôn tạo khối tài sản của nguyên đơn.

Với những thiếu sót trên cấp phúc thẩm không khắc phục được nên hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 308, Khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp một phần kháng cáo của ông Trương Sĩ T.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS –ST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh để giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Trương Sĩ T được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu số 0014172 ngày 20/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các ĐS;
- Lưu VP(3), HS(2). 18b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn

